

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON TÂN HÒA

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON TÂN HÒA

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Phạm Thị Hòa	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Nguyễn Thị Hiền	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
3	Trần Thị Mỹ Ngân	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
4	Nguyễn Thị Duyên	Nhân viên văn thư	Thư ký hội đồng	
5	Nguyễn Thị Ngọc Nhẹ	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên hội đồng	
6	Trương Lê Hoài Thương	Bí thư Chi đoàn	Ủy viên hội đồng	
7	Nguyễn Thanh Thơm	Tổ trưởng chuyên môn Nhà trẻ	Ủy viên hội đồng	
8	Cao Võ Ngọc Kim Thi	Tổ trưởng chuyên môn khối Chồi	Ủy viên hội đồng	
9	Huỳnh Thị Kim Ngân	Tổ trưởng chuyên môn khối Lá	Ủy viên hội đồng	

10	Lê Thị Kim Nguyên	Tổ trưởng chuyên môn khối Mầm	Ủy viên hội đồng	
11	Lưu Thanh Diễm	Tổ trưởng tổ cấp dưỡng	Ủy viên hội đồng	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2025

MỤC LỤC	
NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	14
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	17
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	19
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	22
Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	25
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	27
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	29
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	31
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	33
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	35

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	37
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	38
Mở đầu	38
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	38
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	41
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	44
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	47
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	47
Mở đầu	47
Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo, bao gồm:	47
a) Vị trí đặt trường, điểm trường;	50
b) Quy mô;	52
c) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình.	54
Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:	56
a) Khối phòng hành chính quản trị;	58
b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;	
c) Khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các trường có tổ chức nấu ăn), khối phụ trợ.	
Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết	

bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:	
a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu gom rác thải;	
b) Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố;	
c) Thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi.	
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	61
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	62
Mở đầu	62
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ;	62
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	64
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	66
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	67
Mở đầu	67
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non;	67
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;	71
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe;	73
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục;	76
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	78
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	79
Phần IV. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	X

Kết quả: đạt Mức 1.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Mầm non Tân Hòa

Tên trước đây (nếu có): Không có

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Phạm Thị Hòa
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Hóc Môn	Điện thoại	(028) 37107728
Xã/phường/thị trấn	Tân Hiệp	Fax	Không
Đạt chuẩn quốc gia	X	Website	mntanhhoa.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2006	Số điểm trường	01
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thực	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Dân lập	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025
Số nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00
Số nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	01	01	01	00	00
Số nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	02	02	02	03	02
Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	03	03	03	03	03
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	04	04	04	04	04
Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	05	04	04	04	05
Cộng	15	14	14	14	14

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

	Số liệu	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	15	14	14	14	14	
1	Phòng	15	14	14	14	14	

	kiên cố						
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng phục vụ học tập	03	03	03	03	03	
1	Phòng kiên cố	03	03	03	03	03	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Khối phòng hành chính quản trị	05	05	05	05	05	
1	Phòng kiên cố	05	05	05	05	05	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	

IV	Khối phòng tổ chức ăn	01	01	01	01	01	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác	01	02	02	02	03	
	Cộng	25	26	26	26	27	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 4 năm 2025

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	00	00	00	01	
Phó hiệu trưởng	02	02	00	00	00	02	
Giáo viên	30	30	01	00	00	30	
Nhân viên	13	11	00	05	07	01	
Cộng	46	42	01	05	07	34	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

Thứ tự	Số liệu	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025
1	Tổng số giáo viên	33	32	28	30	30

2	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)	69/07= 10 trẻ /01 giáo viên	71/08= 09 trẻ /01 giáo viên	77/06= 12 trẻ /01 giáo viên	79 trẻ/06= 13 trẻ / 01 giáo viên	54/06= 9 trẻ /01 giáo viên
3	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	00	00	00	00	00
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	414/26= 16 trẻ/01 giáo viên	339/24= 14 trẻ/01 giáo viên	393/28= 14 trẻ /01 giáo viên	397/24= 15 trẻ/01 giáo viên	400/24= 16 trẻ /01 giáo viên
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên	00	00	10	00	07
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	00	00	00	00	00

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025	Ghi chú
----	---------	-----------------------------	-----------------------------	-----------------------------	-----------------------------	-----------------------------	------------

1	Tổng số trẻ em	483	410	470	476	454	
	- Nữ	246	208	248	230	208	
	- Dân tộc thiểu số	08	10	05	10	06	
2	Đối tượng chính sách	01	00	00	00	00	
3	Khuyết tật	00	00	00	00	00	
4	Tuyển mới	185	154	164	206	143	
5	Học 2 buổi/ngày	00	00	00	00	00	
6	Bán trú	483	410	470	476	454	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	35 trẻ /01 lớp	29 trẻ /01 lớp	35,7 trẻ /01 lớp	36 trẻ /01 lớp	33trẻ /01 lớp	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	23 trẻ/01 nhóm	24 trẻ/01 nhóm	25,6 trẻ/01 nhóm	26.33 trẻ/01 nhóm	27 trẻ/01 nhóm	
	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00	
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	22	24	25	00	00	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	47	24	52	79	54	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	108	84	110	90	95	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	139	108	126	160	129	

	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	167	147	157	147	178	
--	----------------------	-----	-----	-----	-----	-----	--

5. Các số liệu khác: Không có

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non Tân Hòa được thành lập theo Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, tọa lạc tại số 10 Đỗ Văn Dậy, ấp Tân Hòa (cũ) ấp 22, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn.

Năm 2011, trường được xây dựng với diện tích 2374,00m²/5145,3 m² gồm tầng trệt và 01 tầng lầu. Trong đó có 15 phòng học, 05 phòng làm việc, 02 phòng chức năng, 01 phòng y tế, 01 nhà bếp và một số công trình phụ khác.

Năm 2021 trường được xây thêm 01 phòng giáo dục thể chất với diện tích 70 m². Cơ sở trường lớp thoáng mát, sạch đẹp và hiện đại, đáp ứng tốt yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ là một niềm phấn khởi cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường. Trong quá trình hoạt động và phát triển, nhiều năm liền trường được công nhận tập thể Lao động xuất sắc, nhận cờ thi đua Thành phố năm học 2016-2017, năm học 2019-2020; Năm 2021, năm 2023 nhận bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố. Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh tiêu biểu năm 2016, năm 2017, được Thành ủy tặng bằng khen năm 2016. Năm 2024 chi bộ đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tổ chức Công đoàn đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nhận cờ thi đua thành phố năm học 2023-2024. Chi đoàn đạt xuất sắc.

Năm học 2022-2023 trường tổ chức Lễ đón Bằng công nhận Trường Mầm non Tân Hòa đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và được công nhận Kiểm định Chất lượng giáo dục cấp độ 2.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Đảng ủy - Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, đặc biệt sự quan tâm của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn cùng với sự phối hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ trẻ.

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên đủ theo Điều lệ trường mầm non; có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công tác, hoàn

thành tốt nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

Trước yêu cầu thực tiễn về việc nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục của các trường mầm non nói chung. Trường Mầm non Tân Hòa đã triển khai công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường theo nội dung tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Mục đích tự đánh giá

Mục đích của việc tự đánh giá là nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Qua việc tự đánh giá sẽ giúp cho tập thể nhà trường nhận ra được những điểm mạnh cũng như những điểm yếu nhằm cải tiến chất lượng giáo dục của nhà trường, làm căn cứ để giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục nhà trường để cơ quan chức năng đánh giá và duy trì công nhận trường mầm non đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia.

Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của lãnh đạo và tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên về công tác đảm bảo và hoàn thiện chất lượng được thay đổi theo chiều hướng tích cực hơn. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ hơn. Công tác tự đánh giá sẽ thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân sẽ nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT, ngày 10 tháng 12 năm 2024, Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT,

thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ vào thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2024-2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn.

Trường Mầm non Tân Hòa tự kiểm định chất lượng nhà trường để góp phần đẩy mạnh công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

Quy trình tự đánh giá của trường được tiến hành như sau:

Từ ngày 05 tháng 9 năm 2024 đến ngày 15 tháng 9 năm 2024: Họp cán bộ quản lý để thảo luận về mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá. hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá. Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá đến 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Phân công cụ thể cho từng thành viên. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

Từ ngày 25 tháng 11 năm 2024 đến ngày 01 tháng 12 năm 2024: Tổ chức tập huấn về nghiệp vụ tự đánh giá cho cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường. Phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

Từ ngày 02 tháng 12 năm 2024 đến ngày 10 tháng 12 năm 2024: Các nhóm chuyên trách họp, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Các nhóm công tác thu thập thông tin và minh chứng liên quan đến từng tiêu chí theo sự phân công của Chủ tịch hội đồng tự đánh giá. Mã hóa, mô tả các thông tin và minh chứng thu được. Cá nhân hoặc nhóm công tác viết các phiếu đánh giá tiêu chí. Chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá.

Từ ngày 11 tháng 01 năm 2025 đến ngày 28 tháng 02 năm 2025: Thảo luận về những vấn đề nảy sinh từ các thông tin và minh chứng thu được. Xác định những thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung. Cá nhân hoặc nhóm công tác chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của từng phiếu đánh giá tiêu chí để lấy ý kiến góp ý. Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và thu thập các ý kiến đóng góp.

Từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 đến ngày 30 tháng 3 năm 2025: Các nhóm thu thập, mã hóa các minh chứng, phân công cá nhân viết phiếu đánh giá tiêu chí. Thu thập, xử lý thông tin, minh chứng bổ sung (nếu cần thiết). Thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 đến ngày 20 tháng 4 năm 2025: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.

Từ ngày 20 tháng 4 năm 2025 đến ngày 28 tháng 4 năm 2025: Thực hiện công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường.

Kết quả đạt được trong quá trình tự đánh giá chất lượng giáo dục không chỉ dừng lại ở việc hoàn tất các thủ tục của quy trình kiểm định chất lượng giáo dục mà quan trọng hơn là đã giúp cho nhà trường có cơ sở đánh giá chính xác và thực hiện việc điều chỉnh các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục một cách toàn diện.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non Tân Hòa có cơ cấu tổ chức theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non và quản lý thực hiện mục tiêu giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chức năng và nhiệm vụ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường đều được thể chế hóa bằng văn bản được triển khai thực hiện nghiêm túc; các đoàn thể luôn chủ động và hoạt động đạt hiệu quả. Trường Mầm non Tân Hòa thực hiện tốt công tác quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên luôn đoàn kết và thống nhất. Chính quyền và công đoàn Trường Mầm non Tân Hòa phối hợp và thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành giáo dục, địa phương phát động.

Trường xây dựng phương án bảo đảm an ninh trật tự trong nhà trường. Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính và đảm bảo công khai, minh bạch theo đúng quy định.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường nhiệm kỳ 2020-2025 nhằm nâng cao chất lượng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, giúp trẻ em phát triển toàn diện các lĩnh vực; hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một; phù hợp với mục tiêu giáo dục quy định tại Luật giáo dục [H1-1.1-01]. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn theo từng giai đoạn; phù hợp với các nguồn lực như: phát huy tốt vai trò

lãnh đạo; luôn nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, phụ huynh về công tác xã hội hóa giáo dục [H1-1.1-02].

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công khai thông qua nhiều hình thức: niêm yết tại bảng thông tin, cuộc họp Hội đồng sư phạm và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị: <http://mntanhhoa.hcm.edu.vn> [H1-1.1-03].

Mức 2:

Nhà trường tiến hành các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển trong năm học như: xây dựng kế hoạch, triển khai phân công nhiệm vụ cụ thể từng đối tượng giám sát, nội dung giám sát và thời gian tiến hành giám sát sau đó tổ chức thực hiện. Từ đó, rút ra bài học kinh nghiệm, đề ra những biện pháp khả thi, điều chỉnh những biện pháp chưa đạt hiệu quả trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường có định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Tuy nhiên, sự tham gia của cha mẹ trẻ chưa nhiều [H1-1.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025, được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt. Trường công khai thông qua niêm yết tại bảng tin trường, trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

3. Điểm yếu

Sự tham gia đóng góp của cha mẹ trẻ trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng phát huy việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển theo giai đoạn và công khai thực hiện, kịp thời rà soát và điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cùng với sự tham gia đóng góp ý kiến của cha mẹ trẻ em, cụ thể qua các buổi họp cha mẹ trẻ em, được chia 02 thời gian như sau: Thời gian điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được thực hiện 06 tháng 01 lần. Hiệu trưởng tổ chức họp cha mẹ trẻ em 03 lần/năm để tham gia đóng góp ý kiến hoàn chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác.

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non Tân Hòa có Hội đồng trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H1-1.2-01]. Đầu năm học nhà trường cũng thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng, kỷ luật [H1-1.2-02]. Vào từng thời điểm trường thành lập những hội đồng khác để đáp ứng yêu cầu công việc như: Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến [H1-1.2-03]; Hội đồng tuyển sinh [H1-1.2-04]; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường [H1-1.2-05].

b) Hội đồng trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn như: quyết nghị về mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động hằng năm của nhà trường; quyết nghị quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường;

xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của nhà trường, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết nghị về tổ chức, nhân sự; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường. Giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết nghị của hội đồng trường; việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-01].

Hội đồng thi đua, khen thưởng giúp hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H1-1.2-02].

Hội đồng kỷ luật được thành lập để xét hoặc xoá kỷ luật đối với người vi phạm theo từng vụ việc. Hiệu trưởng là chủ tịch Hội đồng kỷ luật. Các thành viên của hội đồng gồm: phó hiệu trưởng, đại diện cấp ủy chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, đại diện các tổ chuyên môn, tổ văn phòng [H1-1.2-02].

Hội đồng khoa học, hội đồng chấm thi giáo viên giỏi, họp triển khai kế hoạch, đánh giá kết quả sau khi thực hiện [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

c) Hoạt động của các hội đồng được nhà trường rà soát, đánh giá kết quả thực hiện định kỳ ít nhất 02 lần/năm học thông qua các cuộc họp sơ kết, tổng kết của từng hội đồng [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02].

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường và các Hội đồng khác thực hiện có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường như: luôn giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường, không để xảy ra trường hợp giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh thắc mắc, hoặc tố cáo nhà trường vi phạm quy chế dân chủ. Tổ chức tốt phong trào thi đua khen thưởng, phát huy tính tích cực thực hiện tốt các phong trào trong đội ngũ. Tuy nhiên thành viên phát biểu những ý kiến còn chung chung, chưa mạnh dạn đề xuất giải pháp cụ thể [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có thành lập các Hội đồng, tổ chức hoạt động đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, hoạt động hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Trong Hội đồng trường thành viên nêu ý kiến còn chung chung, chưa mạnh dạn đề xuất giải pháp cụ thể.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng sẽ tiếp tục duy trì hoạt động Hội đồng trường và các Hội đồng khác. Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục chia sẻ nội dung để khối trưởng các lứa tuổi tổ chức họp khối nhằm thảo luận, soạn ra những câu hỏi, lời góp ý, đề xuất các giải pháp, giúp cho giáo viên mạnh dạn đưa ra những ý kiến cụ thể về nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Hiệu trưởng định hướng, đưa ra những vướng mắc, khó khăn cụ thể của nhà trường trong từng hoạt động để các thành viên trong hội đồng phát huy hết năng lực của mình mạnh dạn đề xuất phương án hoạt động tối ưu trong các cuộc họp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường cơ cấu tổ chức theo quy định: Công đoàn nhà trường được Ban chấp hành Liên đoàn lao động huyện Hóc Môn ra Quyết định về việc công nhận Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Trường Mầm non Tân Hòa nhiệm kỳ 2023-2028 theo Quyết định số 123/QĐ-LĐLĐ ngày 7 tháng 3 năm 2023 [H1-1.3-01]. Chi đoàn trường có 9 đoàn viên được Ban chấp hành Đoàn xã Tân Hiệp ra quyết định chuẩn y theo Quyết định số 23-QĐ/ĐTN ngày 6 tháng 12 năm 2022 [H1-1.3-02]. Ngoài ra, trường có Hội Chữ thập đỏ [H1-1.3-03], Chi Hội khuyến học [H1-1.3-04].

b) Các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường hoạt động theo quy định như: thực hiện theo Nghị quyết, theo điều lệ đã đề ra trong từng năm học, nhiệm kỳ, trên cơ sở tự nguyện, theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

c) Hằng năm, các đoàn thể và các tổ chức khác được rà soát, đánh giá như sau: Công đoàn cơ sở nhiều năm liền đạt Công đoàn vững mạnh, năm học 2021-2022, năm học 2023-2024 đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chi đoàn đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Chi Hội khuyến học đạt xuất sắc và Hội chữ Thập đỏ hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam của đơn vị trực thuộc Đảng bộ xã Tân Hiệp. Bí thư Chi bộ là hiệu trưởng nhà trường. Chi bộ gồm có 22 đảng viên

(03 cán bộ quản lý, 14 giáo viên và 05 nhân viên), tổ chức sinh hoạt định kỳ hằng tháng theo quy định [H1-1.3-05].

Trong 05 năm đến thời điểm đánh giá, chi bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ, năm 2024 chi bộ đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-05].

b) Công đoàn vận động các phong trào thi đua thao giảng, dạy tốt, thi giáo viên giỏi, viết sáng kiến, giới thiệu những đoàn viên ưu tú cho Đảng. Chi đoàn tổ chức hoạt động “Chia sẻ yêu thương” đóng góp ủng hộ các cuộc vận động xã hội như đóng góp nhà tình nghĩa, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, quỹ vì Biển đảo quê hương, vì tuyến đầu Tổ quốc. thực hiện các công trình thanh niên như: vườn thuốc nam, vườn rau [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]. Hằng năm, Hội chữ Thập đỏ đóng góp theo kế hoạch vận động của Hội chữ Thập đỏ huyện tham gia hiến máu nhân đạo. Hội Khuyến học nhà trường chăm lo cho học sinh nghèo, khó khăn [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm tự đánh giá, chi bộ đạt được những thành tích: năm 2018- 2023 đạt chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, năm 2024 chi bộ đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-05].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường như hỗ trợ văn nghệ, các hội thi nông thôn mới của xã Tân Hiệp. Tuy nhiên, một số hoạt động, phong trào của đoàn thanh niên chưa được sôi nổi [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

2. Điểm mạnh

Chi bộ Đảng của trường 04 năm liên được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ và 01 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định.

3. Điểm yếu

Một số hoạt động và phong trào của đoàn thanh niên chưa được sôi nổi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu bộ máy tổ chức theo quy định tại Điều lệ trường mầm non và phát

huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường. Vận động khuyến khích đoàn viên trẻ tham gia các hoạt động phù hợp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non Tân Hòa là trường hạng I, có hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng. Hiệu trưởng được điều động, bổ nhiệm theo Quyết định số 2994/QĐ-UBND vào ngày 19 tháng 8 năm 2021 [H1-1.4-01]. Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục được bổ nhiệm theo Quyết định số 1008 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 2 năm 2023 [H1-1.4-01]. Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng được bổ nhiệm theo Quyết định số 3500/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2021 [H1-1.4-01].

b) Hiệu trưởng ra quyết định thành lập 05 tổ chuyên môn, bao gồm: 01 tổ nhà trẻ: tổ trưởng là cô Nguyễn Thanh Thơm; 01 tổ mẫu giáo 3-4 tuổi: tổ trưởng là cô Lê Thị Kim Nguyên; 01 tổ mẫu giáo 4-5 tuổi: tổ trưởng là cô Cao Võ Ngọc Kim Thi; tổ phó là Nguyễn Thị Thiên Thi 01 tổ mẫu giáo 5-6 tuổi: tổ trưởng là cô Huỳnh Thị Kim Ngân, tổ phó là cô Lê Hồng Nhi; 01 tổ nấu ăn với tổ trưởng là cô Lưu Thanh Diễm và 01 tổ văn phòng: tổ trưởng là cô Nguyễn Thị Duyên, tổ phó là cô Trần Thị Lệ Hằng [H1-1.4-02].

c) Các tổ chuyên môn của nhà trường đều có kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, năm học. Chế độ sinh hoạt của các tổ chuyên môn được tổ chức định kỳ 2 tuần/01 lần nhằm bồi dưỡng chuyên môn, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H1-1.4-03]. Tổ văn phòng có kế hoạch cho từng tháng, năm và lịch công tác cụ thể cho các thành viên của tổ, giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ của nhà trường [H1-1.4-04].

Mức 2:

a) Hằng năm tổ chuyên môn thực hiện chuyên đề cấp huyện, cấp trường nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục [H1-1.4-05]. Cụ thể:

TT	Năm học	Tên chuyên đề
01	2020-2021	“Nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ”. “Nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động phát triển thể chất trong trường mầm non”.
02	2021-2022	“Nâng cao tổ chức hoạt động giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non”. “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” Xây dựng môi trường vui chơi - vận động, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng đồ chơi

03	2022-2023	“Nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động phát triển thể chất cho trẻ ”; “Tổ chức hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”; “Tổ chức hoạt động khám phá thử nghiệm”; “Nâng cao tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ”; “Tổ chức hoạt động giáo dục phát triển tình cảm – kỹ năng xã hội”; “Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ”;
04	2023-2024	“Nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho trẻ ”
05	2024-2025	“ Nâng cao chất lượng giáo dục âm nhạc tiếp cận đa văn hóa”

b) Hằng tháng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng sinh hoạt để rà soát, đánh giá, điều chỉnh, xây dựng kế hoạch hoạt động cho tháng tiếp theo [H1-1.4-04].

Mức 3:

a) Hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có những đóng góp tích cực nâng cao hiệu quả chất lượng các hoạt động của nhà trường thể hiện qua: kết quả chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; công tác tham mưu, phối hợp tạo uy tín và niềm tin của cha mẹ trẻ em, chính quyền địa phương; thông qua các báo cáo sơ kết, tổng kết của đơn vị [H1-1.4-06].

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ cụ thể qua các chuyên đề cấp trường. Tuy nhiên các tổ lên chuyên đề chưa đầu tư kỹ và chưa sáng tạo [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng luôn thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của cấp trên giao, theo sát Điều lệ trường mầm non và mục tiêu giáo dục của nhà trường, tạo được khối đoàn kết làm động lực để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, quản lý tài sản, làm tốt công tác đánh giá.

3. Điểm yếu

Các tổ lên chuyên đề chưa đầu tư kỹ và chưa sáng tạo

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025-2026, cán bộ quản lý nhà trường tạo điều kiện cho tổ trưởng chuyên môn tham quan, học tập trường bạn để nhân rộng chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn vào 2 tháng hè. Khuyến khích tổ văn phòng nhận định những khó khăn trong hoạt động của tổ qua đó lên kế hoạch xây dựng chuyên đề cho các thành viên trong tổ học tập.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2024-2025, trường có 14 nhóm, lớp được phân chia theo đúng độ tuổi, có đầy đủ hồ sơ quản lý trẻ theo quy định [H1-1.5-01] cụ thể:

Nhóm 25-36 tháng: 02

Lớp 3-4 tuổi: 03

Lớp 4-5 tuổi: 04

Lớp 5-6 tuổi: 05

b) 100% trẻ ở các nhóm lớp được học bán trú cả ngày [H1-1.5-01].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-02].

Mức 2:

Năm học 2024-2025, trường có tổng số 454 trẻ được phân bổ về 14 nhóm lớp cụ thể:

+ Nhóm nhà trẻ 25-36 tháng: 02 nhóm, 54 trẻ có 06 giáo viên phụ trách.

+ Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 03 lớp, 95 trẻ có 06 giáo viên phụ trách.

+ Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: 04 lớp, 129 trẻ có 08 giáo viên phụ trách.

+ Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: 05 lớp, 178 trẻ và 10 giáo viên phụ trách

02 nhóm 25-36 tháng 54 trẻ (bình quân 27 trẻ/nhóm); 03 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi có 95 trẻ (bình quân 31 trẻ/lớp), 04 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi 129 trẻ (bình quân 32 trẻ/lớp), 05 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi 178 trẻ (bình quân 35 trẻ/lớp) [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Trường có các nhóm trẻ, các lớp mẫu giáo được phân chia theo đúng độ tuổi và tổ chức học hai buổi trên ngày. Nhà trường đảm bảo không vượt quá 20 nhóm, lớp theo quy định.

3. Điểm yếu

Số nhóm trẻ ít

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng duy trì việc phân chia các nhóm lớp theo đúng độ tuổi; Tham mưu, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp có kế hoạch huy động trẻ 06 đến 18 tháng tuổi ra lớp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) *Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

a) *Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ, sổ sách được sắp xếp khoa học và lưu trữ theo đúng Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05 tháng 3 năm 2020: Hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.6-01], sổ đăng ký văn bản đi, văn bản đến [H1-1.6-02], hồ sơ quản lý tài sản, cơ sở vật chất [H1-1.6-03], hồ sơ quản lý tài chính [H1-1.6-04].

b) Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định; thực hiện công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-03]. Hằng năm, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-05].

c) Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích; khai thác, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản công để phục vụ các hoạt động giáo dục của đơn vị; phát huy quyền làm chủ tập thể trong công tác quản lý và sử dụng tài sản công; tăng cường vai trò, trách nhiệm của các bộ phận trong công tác tự kiểm tra, giám sát nội bộ cũng như phát huy tốt tài sản được trang bị [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản thông qua các phần mềm như: Phần mềm quản lý cán bộ công chức, phần mềm ePmis [H1-1.6-06], phần mềm quản lý dữ liệu giáo dục, phần mềm phổ cập giáo dục, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm kế toán IMAS [H1-1.6-07].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo biên bản kiểm tra quyết toán hằng năm [H1-1.6-08]; [H1-1.6-09].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo đúng quy định. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Kế toán tham mưu cùng hiệu trưởng để xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn tạo nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu công tác [H1-1.7-01]. Việc cử nhân sự tham gia lớp trung cấp lý luận chính trị-hành chính kịp thời, có kế hoạch ngắn hạn, dài hạn cho đội ngũ tham gia học bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Tuy nhiên, có 02 giáo viên trong nguồn quy hoạch cán bộ quản lý chưa học lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý trường mầm non [H1-1.7-02].

b) Hiệu trưởng phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý đúng người, đúng việc, phù hợp năng lực chuyên môn, sở trường kinh nghiệm trong công tác mang lại hiệu quả hoạt động của nhà trường như: Giáo viên trẻ, giáo viên mới ra trường được bố trí làm việc chung với giáo viên vững chuyên môn để hỗ trợ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, tạo sự yên tâm cho phụ huynh học sinh khi gửi con [H1-1.7-03].

c) Hằng năm nhà trường xây dựng Quy chế dân chủ, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong các hoạt động. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều được đảm bảo chế độ chính sách, quyền lợi theo đúng qui định của pháp luật hiện hành như: chế độ nâng lương đúng niên hạn, nâng lương trước niên hạn, hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo, phụ cấp công tác phí, phụ cấp ưu đãi nghề và được đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ, hỗ trợ kinh phí học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ khi được cử đi học theo Quy chế chi tiêu nội bộ [H1-1.6-04].

Mức 2:

Ngay từ đầu năm học, hiệu trưởng đưa ra biện pháp nhằm phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường, cụ thể như: Tổ chức cho đội ngũ tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, các lớp học nâng cao, tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, thực hiện các chuyên đề cấp trường đã phát huy được tính tự giác, tích cực, sáng tạo của đội ngũ. Đổi mới phương pháp trên cơ sở sử dụng và khai thác khả năng các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại cùng nhau xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường; đa dạng về hình thức học tập, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, được phân công hợp lý để phát huy tối đa năng lực, được đảm bảo các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch cử các cô còn lại trong nguồn quy hoạch cán bộ quản lý tham gia học bồi dưỡng thêm về nghiệp vụ quản lý trường mầm non.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) *Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*
- b) *Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*
- c) *Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2024-2025, cán bộ quản lý xây dựng kế hoạch giáo dục theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và triển khai đến giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình thực tế từng nhóm, lớp; phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, của nhà trường [H1-1.8-01].

b) Giáo viên thực hiện đầy đủ các nội dung theo kế hoạch giáo dục của nhà trường như: kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch tháng, tuần và được giáo viên thực hiện soạn trên phần mềm Mindjet MindManager đầy đủ [H1-1.8-02].

c) Kế hoạch giáo dục của các nhóm lớp được phó hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn kiểm tra phối hợp nhận xét, đánh giá để giáo viên kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp. Tuy nhiên có một số giáo viên chuyên khối, nhóm lớp việc nắm bắt và điều chỉnh kế hoạch giáo dục chưa kịp thời [H1-1.8-03].

Mức 2:

Công tác kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường bằng các biện pháp chỉ đạo như: thăm lớp, dự giờ, kiểm tra có kế hoạch báo trước và đột xuất để đánh giá giáo viên nâng cao hiệu quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị [H1-1.8-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục; có các biện pháp rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

3. Điểm yếu

Giáo viên chuyển khối, nhóm lớp việc nắm bắt và điều chỉnh kế hoạch giáo dục cũng như tổ chức hoạt động cho trẻ còn chưa linh hoạt, sáng tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Phó hiệu trưởng thường xuyên kiểm tra, đánh giá để nâng hiệu cao quả chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Thường xuyên quan tâm giúp đỡ giáo viên chuyển khối, chuyển lớp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường nghiêm túc thực hiện tốt quy chế dân chủ trong hoạt động; trước khi ban hành kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục, các nội quy, quy định, quy chế, hiệu trưởng tổ chức lấy ý kiến đề tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến [H1-1.9-01]

b) Trong những năm qua, hoạt động của nhà trường luôn được quan tâm công khai minh bạch đúng theo quy chế, quy định nên không xảy ra các khiếu

nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ em trong nhà trường về việc thực hiện quy chế dân chủ [H1-1.9-03].

c) Thông qua Hội nghị cán bộ công chức, viên chức hằng năm, nhà trường thực hiện các báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đầy đủ [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

Mức 2:

Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ, Ban Thanh tra nhân dân, thực hiện công khai, đã xây dựng kế hoạch và cơ chế giám sát thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường chặt chẽ, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả; toàn bộ hoạt động của nhà trường được niêm yết công khai ở bảng thông tin của nhà trường. Tuy nhiên ban thanh tra kiêm nhiệm nên độ lúc giám sát hoạt động chuyên môn chưa kịp thời [H1-1.9-04]; [H1-1.9-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đúng và đầy đủ quy chế dân chủ đã được thống nhất trong tập thể; thực hiện tốt các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Ban thanh tra kiêm nhiệm nên độ lúc giám sát hoạt động chuyên môn chưa kịp thời ban thanh tra kiêm nhiệm nên độ lúc giám sát hoạt động chuyên môn chưa kịp thời

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu về thực hiện quy chế dân chủ hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong đơn vị, động viên gợi ý để các thành viên mạnh dạn góp ý, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện để tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Tạo điều kiện cho ban thanh tra chủ động thời gian đi giám sát.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường xây dựng và triển khai đến cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-03]; vệ sinh an toàn thực phẩm, trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-04]; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-05]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-06].

b) Trường có trang bị hộp thư góp ý, đường dây nóng và hình thức tiếp công dân trực tiếp để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân,

cung cấp số điện thoại tiếp nhận những thông tin để nhà trường kịp thời xử lý theo đúng quy định phù hợp với nguyện vọng chính đáng của giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ em; phân công bảo vệ trực 24/24 đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [H1-1.10-07].

c) Trong các cuộc họp, tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được quán triệt các văn bản quy phạm pháp luật, các chuẩn mực đạo đức nhà giáo, văn hóa giao tiếp ứng xử trong nhà trường nên không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.10-08].

Mức 2:

a) Nhà trường phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em thực hiện phương án theo Thông tư 13/2010/TT-BGDĐT về xây dựng trường học an toàn phòng chống tai nạn, thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non thông qua các cuộc họp, các buổi tập huấn, tuyên truyền, thông qua giờ học. Tuy nhiên hình thức tuyên truyền chưa phong phú [H1-1.10-02]; [H1-1.10-09].

b) Hằng năm nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Nhà trường không xảy ra hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự [H1-1.10-01]. Tuy nhiên hệ thống đèn báo cháy đã hư, chưa sửa được do kinh phí cao.

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và triển khai đầy đủ các phương án để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; có các hình thức tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của người dân; không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Hệ thống đèn báo cháy của nhà trường đã hư chưa sửa chữa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Tuyên truyền đến cha

mẹ trẻ em qua các buổi họp, tạo điều kiện cho cha mẹ trẻ em tham gia các hoạt động của nhà trường. Hiệu trưởng tham mưu xin kinh phí sửa chữa hệ thống đèn báo cháy. Đảm bảo an toàn trong trường học và nâng cao hiệu quả chất lượng cuộc sống.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường Mầm non Tân Hòa có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý cụ thể và chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động trong nhà trường. Xây dựng dự toán, thực hiện quyết toán theo qui định, có kế hoạch thu chi rõ ràng, công khai tài chính minh bạch, lưu biên bản kiểm tra đầy đủ. Trường có cơ cấu nhóm, lớp đúng theo qui định của Điều lệ trường mầm non. Luôn đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ và đội ngũ khi đang sinh hoạt và làm việc tại trường. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn hằng tháng. Công tác thi đua, khen thưởng kịp thời, tạo động lực để đội ngũ phấn đấu vươn lên, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

Chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Các năm trước tổ chuyên môn chưa mạnh dạn đề xuất chuyên đề.

Trong Hội đồng còn thành viên nêu ý kiến còn chung chung, chưa mạnh dạn đề xuất giải pháp cụ thể.

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp điều kiện nhà trường.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Trường Mầm non Tân Hòa đảm bảo đầy đủ nhân sự theo cơ cấu của Điều

lệ trường mầm non. Cán bộ, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, đủ năng lực để triển khai thực hiện các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Các thành viên trong nhà trường tích cực trong công việc, luôn tự học tự rèn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng được mục tiêu giáo dục đề ra.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đạt trình độ trên chuẩn đúng yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; Cán bộ quản lý đã qua lớp Trung cấp lý luận chính trị, trình độ Đại học Sư phạm mầm non, có uy tín về phẩm chất đạo đức, lối sống; có năng lực quản lý nhà trường, đủ sức khỏe. [H1-1.4-01]; [H1-1.6-01].

- b) Hằng năm, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được nhận xét, góp ý, đánh giá xếp loại tốt theo quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non theo Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT [H2-2.1-01].

- c) Cán bộ quản lý đã qua lớp đào tạo quản lý trường mầm non, có chứng

chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin, chứng chỉ B Anh văn; hiệu trưởng tốt nghiệp Đại học sư phạm mầm non, cử nhân quản lý giáo dục, lớp bồi dưỡng quản lý cấp phòng. Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục tốt nghiệp Đại học sư phạm mầm non, có giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên viên, bồi dưỡng hiệu trưởng. Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng tốt nghiệp Đại học sư phạm mầm non, lớp bồi dưỡng hiệu trưởng, lớp bồi dưỡng chuyên viên mầm non. Tuy nhiên, hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng chưa có chứng chỉ B1 Anh văn và chưa nâng cao trình độ Thạc sĩ [H1-1.7-01]; [H1-1.6-01].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có 04 năm được xếp loại tốt theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non, riêng năm học 2020-2021 03/03 đạt Khá [H2-2.1-01]”:

+ Kết quả đánh giá chuẩn hiệu trưởng (Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo):

Năm học	Chức vụ cán bộ quản lý	Kết quả đánh giá chuẩn hiệu trưởng				Ghi chú
		Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
2020-2021	Hiệu trưởng	01	00	00	00	
	Phó hiệu trưởng	02	00	00	00	
2021 - 2022	Hiệu trưởng	01	00	00	00	
	Phó hiệu trưởng	02	00	00	00	
2022 - 2023	Hiệu trưởng	00	01	00	00	
	Phó hiệu trưởng	00	02	00	00	

2023 – 2024	Hiệu trưởng	00	01	00	00	
	Phó hiệu trưởng	00	02	00	00	
2024 - 2025	Hiệu trưởng	00	01	00	00	
	Phó hiệu trưởng	00	02	00	00	

b) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã có bằng Trung cấp lý luận chính trị - hành chính. Cán bộ quản lý được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm thông qua việc góp ý, đánh giá xếp loại cán bộ quản lý hàng năm, các phong trào và kết quả hoạt động của đơn vị [H1-1.6-01]; [H2-2.1-02].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có 04 năm được xếp loại tốt theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non, riêng năm học 2020-2021 và năm học 2021-2022 03/03 đạt khá [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ trình độ và năng lực trong công tác quản lý, nắm vững chương trình giáo dục mầm non, thành thạo trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, được sự tín nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị và tạo được sự đồng thuận trong đội ngũ, có uy tín với nhân dân địa phương.

3. Điểm yếu

Phó hiệu trưởng do mới bổ nhiệm nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý tiếp tục theo học các lớp bồi dưỡng chuyên môn do Sở Giáo dục và Đào tạo; Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức để nắm vững, rút kinh nghiệm trong công tác quản lý, chỉ

đạo chuyên môn. Tạo điều kiện cho phó hiệu trưởng học hỏi kinh nghiệm từ các bạn đồng nghiệp để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2024-2025, nhà trường có đủ số lượng giáo viên nhà trẻ và giáo viên mẫu giáo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, 30 giáo viên được hiệu trưởng phân công đứng lớp trực tiếp giảng dạy đúng theo năng lực và trình độ chuyên môn, trong đó 06 giáo viên/02 nhóm nhà trẻ và 24 giáo viên/12 lớp mẫu giáo [H1-1.6-01]; [H1-1.7-03].

b) 30/30, tỷ lệ 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. Trình độ Đại học 30/30 giáo viên [H2-2.2-01].

c) 100% giáo viên được nhà trường đánh giá xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non và đạt 30/30 tỷ lệ 100% giáo viên được đánh giá xếp loại từ mức đạt trở lên [H2-2.2-02].

Mức 2:

a) Trình độ đào tạo đạt trên chuẩn của giáo viên đến thời điểm hiện tại có 30/30 giáo viên có trình độ Đại học sư phạm mầm non, đạt tỷ lệ 100% [H2-2.2-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp:

+ Năm học 2020-2021 có 32/33 giáo viên được xếp loại Chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức đạt trở lên. Trong đó có 03/33 giáo viên được xếp loại mức tốt - tỷ lệ 9,09%, có 26/33 giáo viên được xếp loại mức khá - tỷ lệ 78,79%, mức đạt 03/32 - tỷ lệ 9,09%, có 01/33 giáo viên mới về trường tháng 01 năm 2021 nên không đánh giá - tỷ lệ 3,03% [H2-2.2-02].

+ Năm học 2021-2022 có 29/29 giáo viên - được xếp loại Chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức đạt trở lên. Trong đó có 5 giáo viên xếp loại tốt, 23 giáo viên xếp loại khá và 01 giáo viên đạt.

+ Năm học 2022-2023 có 29/29 giáo viên - được xếp loại Chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức đạt trở lên. Trong đó có 5 giáo viên xếp loại tốt, 23 giáo viên xếp loại khá và 01 giáo viên đạt

+ Năm học 2023-2024 có 30/30 giáo viên - được xếp loại Chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức đạt trở lên. Trong đó có 8 giáo viên xếp loại tốt, 21 giáo viên xếp loại khá và 01 giáo viên đạt

+ Năm học 2024-2025 có 30/30 giáo viên - được xếp loại Chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức đạt trở lên. Trong đó có 12 giáo viên xếp loại tốt, 18 giáo viên xếp loại khá.

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.1-02].

Mức 3:

a) Trường có 26/33 giáo viên đạt trình độ Đại học - tỷ lệ 78,78%; có 05/32 - tỷ lệ 15,15% giáo viên đạt trình độ Cao đẳng. Tuy nhiên còn 01 giáo viên bằng Trung cấp sư phạm mầm non chưa đạt chuẩn theo Luật Giáo dục năm 2019 [H2-2.2-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường chưa đạt 80% giáo viên được xếp loại mức khá và 30% giáo viên được xếp loại mức tốt [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định và 100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức đạt trở lên.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn 01 giáo viên chưa đạt chuẩn theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục thực hiện kế hoạch nâng chuẩn, tạo điều kiện thời gian cho 01 giáo viên trình độ Trung cấp, 05 giáo viên trình độ Cao đẳng tham gia học Đại học Sư phạm mầm non, bồi dưỡng đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non để đạt tỷ lệ cao hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non Tân Hòa có đủ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm phụ trách các hoạt động của nhà trường do hiệu trưởng phân công: 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên thủ quỹ, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên y tế, 03 nhân viên bảo vệ, 02 nhân viên phục vụ, 06 nhân viên cấp dưỡng. Có 04 giáo viên làm công tác kiêm nhiệm tổ trưởng chuyên môn, 01 giáo viên kiêm nhiệm Chủ tịch công đoàn, 01 giáo viên kiêm nhiệm Bí thư chi đoàn, 01 giáo viên kiêm nhiệm Trưởng ban Thanh tra nhân dân, 01 cấp dưỡng kiêm nhiệm tổ trưởng tổ cấp dưỡng và thư ký chi bộ, 01 nhân viên văn thư kiêm nhiệm công tác tổ trưởng tổ văn phòng, 01 giáo viên kiêm nhiệm thư ký Hội đồng nhà trường [H1-1.7-03]; [H1-1.6-01].

b) Hằng năm đội ngũ nhân viên được rà soát, phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo quy định tại Điều 28 của Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về ban hành Điều lệ trường mầm non; từng cá nhân đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo năng lực, tích cực học tập nâng cao trình độ, giữ gìn phẩm chất đạo đức từng cá nhân, đảm bảo an toàn cho trẻ [H1-1.7-03].

c) Đội ngũ nhân viên của nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ trường mầm non. Hằng năm, nhân viên biên chế, hợp đồng được đánh giá xếp loại nhiệm vụ theo quy định. Tuy nhiên, trong năm học 2020-2021 có 01 nhân viên được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ [H2-2.1-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 và Khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.6-01]

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.1-02].

Mức 3:

a) Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm như: nhân viên kế toán có trình độ Cao đẳng chuyên ngành kế toán; nhân viên thủ quỹ có trình độ Đại học chuyên ngành kế toán, nhân viên y tế có trình độ Trung cấp y sĩ; nhân viên văn thư có trình độ Trung cấp văn thư lưu trữ, 03 nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ bảo vệ và thường xuyên được dự học lớp bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy chữa cháy; có 01 cấp dưỡng có bằng Cao đẳng nấu ăn 04 cấp dưỡng có bằng Trung cấp nấu ăn. Tuy nhiên, còn 01 nhân viên cấp dưỡng nhà trường chưa có bằng Trung cấp nấu ăn [H2-2.3-01].

b) Hằng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công và có cập nhật chứng chỉ, chứng nhận đầy đủ [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định, nhiệt tình trong công tác, có tinh thần học tập và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được bảo đảm các quyền lợi về vật chất và tinh thần, đảm bảo đúng, đủ về chế độ chính sách cho nhân viên theo quy định.

3. Điểm yếu

01 nhân viên cấp dưỡng chưa có bằng Trung cấp nấu ăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, trường duy trì nề nếp và động viên tinh thần, làm việc của đội ngũ nhân viên. Hiệu trưởng phân công tổ trưởng tổ văn phòng giúp đỡ đôn đốc nhắc nhở tổ viên nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ trình độ và năng lực trong công tác quản lý, nắm vững chương trình giáo dục mầm non, thành thạo trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, được sự tin nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị và tạo được sự đồng thuận trong đội ngũ, có uy tín với Cha mẹ trẻ.

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định và 100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức đạt trở lên.

Điểm yếu cơ bản:

Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục mới bổ nhiệm chưa có kinh nghiệm quản lý.

Còn 01 giáo viên đạt trình độ Trung cấp chưa đạt trình độ chuẩn, đang học lớp liên thông Đại học,

01 nhân viên cấp dưỡng nhà trường chưa có bằng Trung cấp nấu ăn.

Còn 01/15 nhân viên được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường Mầm non Tân Hòa có tổng diện tích là 5145,3m². Khuôn viên trường có diện tích rộng với tường rào bao quanh, khu vực sân chơi có nhiều đồ

dùng đồ chơi, cây xanh, cây kiểng, nhiều mảng xanh tạo cảnh quan đẹp đáp ứng nhu cầu cho trẻ vận động, vui chơi, hoạt động. Các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố, đảm bảo yêu cầu về thiết kế theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

- a) *Vị trí đặt trường, điểm trường;*
- b) *Quy mô;*
- c) *Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình.*

1. Mô tả hiện trạng

a) Trường Mầm non Tân Hòa nằm trên mặt tiền đường Đỗ Văn Dậy, địa chỉ tọa lạc số 10 ấp 22, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn. Trường có 01 điểm, cổng chính giáp mặt tiền đường, cổng phụ phía sau trường giáp bờ sông; cổng trường được thiết kế kiên cố với bảng tên trường cùng với thông tin về địa chỉ, số điện thoại đáp ứng nhu cầu của mọi người khi muốn tìm kiếm hoặc nắm bắt thông tin về trường. [H3-3.1-01].

b) Trường có quy mô 14 nhóm, lớp: 02 nhóm trẻ 25-36 tháng, 03 lớp mầm (3-4 tuổi), 04 lớp chồi (4-5 tuổi), 04 lớp lá (5-6 tuổi). Có 11 phòng gồm khối hành chính, phòng tổ chức ăn, phòng chức năng và phối phòng phụ trợ [H3-3.1-02].

c) Trường Mầm non Tân Hòa có 01 điểm trường với tổng diện tích đất là 5145,3 m², bình quân 11,33 m² / trẻ. Các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố có diện tích là 1202,00 m². Khu sinh hoạt chung là 63,4 m², bình quân 1,66 m²/ trẻ. Khu vệ sinh lớp mẫu giáo có diện tích 217,78 m²/454, bình quân 0,53 m² /trẻ. Khu vệ sinh nhóm nhà trẻ có diện tích 35,44 m² /454, bình quân 0,51 m²/ trẻ. Hiên chơi thuận tiện cho việc đưa đón trẻ có diện tích 252

m² /454, bình quân 0,60 m²/ trẻ [H3-3.1-01]. Tuy nhiên hành lang nhóm lớp chưa được gắn quạt năng, nóng ít cho trẻ hoạt động.

2. Điểm mạnh

Trường xây dựng tập trung 01 điểm, được xây dựng kiên cố, quy mô trường, lớp đúng theo quy định.

3. Điểm yếu

Hành lang các nhóm, lớp chưa được gắn quạt năng nóng ít cho trẻ hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, nhà trường phát huy điểm mạnh đã có đồng thời đề ra kế hoạch nhằm cải tiến điểm yếu, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tham mưu và kế hoạch xã hội hóa lắp đặt thêm một số quạt phía ngoài hành lang nhóm lớp, tạo điều kiện giúp giáo viên tổ chức các hoạt động không ảnh hưởng đến sức khỏe trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;
- b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;
- c) Khối phòng tổ chức nấu ăn (áp dụng cho các trường có tổ chức nấu ăn);

Mức 2:

Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;

b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;

c) Khối phụ trợ.

Mức 3:

Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Khối phòng hành chính quản trị:

Trường có 01 phòng làm việc của hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành [H3-3.2-01].

Văn phòng trường có 01 phòng có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành. Có phòng dành cho nhân viên, tuy nhiên phòng nhỏ chưa trang bị tủ đựng đồ dùng cá nhân [H3-3.2-01]. Trường có phòng dành cho nhân viên, tuy nhiên chưa trang bị tủ đồ dùng cá nhân.

Phòng bảo vệ đặt trước cổng gần lối ra vào của trường, vị trí quan sát thuận lợi [H3-3.2-01].

Khu vệ sinh giáo viên được thiết kế trong từng nhóm lớp, khu vệ sinh của cán bộ quản lý và nhân viên được xây riêng biệt thuận tiện cho việc sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường [H3-3.2-02].

Trường có 02 khu để xe: 01 là khu của cán bộ quản lý và nhân viên được đặt phía trước bên phải từ cổng vào bố trí thuận tiện, 02 là khu để xe của giáo viên được đặt phía sau phòng thể chất [H3-3.2-02].

b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em

+ Trường có 14 phòng học, trong đó có 02 phòng nhóm nhà trẻ gồm: 02 nhóm 25-36 tháng; 12 phòng lớp mẫu giáo (trong đó 03 phòng lớp 3-4 tuổi, 04 phòng lớp 4-5 tuổi, 05 phòng lớp 5-6 tuổi). [H3-3.2-01].

Diện tích bình quân của phòng sinh hoạt chung là 63,4 m² bình quân 1,61 m²/1 trẻ, có cửa trước, cửa sau, cửa sổ nên thông thoáng, mát mẻ; vách tường và nền nhà được lát gạch men không gây trơn trượt cho trẻ trong sinh hoạt; nền nhà của nhà trẻ được lát sàn giả gỗ. [H3-3.2-01]

Khu vệ sinh được xây dựng khép kín với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, có vách ngăn cao giữa chỗ đi tiêu và bồn cầu, khu vực rửa tay của trẻ em được bố trí riêng, đạt chuẩn 12 trẻ em/bồn rửa, các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi; thuận tiện cho sử dụng và dễ quan sát; Trường có 01 nhà vệ sinh cho cán bộ quản lý, 01 nhà vệ sinh cho nhân viên diện tích là 20m² trong đó có khu vệ sinh nam nữ riêng, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.2-02]. Tuy nhiên bồn vệ sinh của trẻ chưa có tay vịn theo quy định.

Hiện chơi trước hành lang các nhóm, lớp thuận tiện cho việc đưa đón, có lan can chiều cao 01 m. Tuy nhiên hạn chế khi sinh hoạt của trẻ ảnh hưởng trời mưa và nắng xung quanh [H3-3.2-01].

Các phòng đều có hệ thống đèn chiếu sáng phù hợp, trung bình mỗi lớp có 10-14 bóng đèn đủ ánh sáng cho trẻ sinh hoạt; đúng theo quy định, xung quanh phòng có trang bị quạt trần, tủ, kệ đựng hồ sơ, đồ dùng, trang thiết bị phù hợp với chức năng của từng phòng. [H3-3.2-01].

+ Nhà trường có 01 phòng giáo dục thể chất với diện tích 70m², 01 phòng giáo dục nghệ thuật diện tích 99,22 m², đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.2-03].

Sân chơi có các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ. Tuy nhiên có 04 loại đồ chơi ngoài trời chưa hiện đại [H3-3.2.04].

Có 01 phòng thư viện 48 m đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở cất chất mức độ 1 theo quy định Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng. Tuy nhiên đầu sách ở phòng thư viện chưa đa dạng, phong phú [H3-3.2-03].

c) Khối phòng tổ chức ăn: Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non, có diện tích 198,87 m² bố trí theo quy trình bếp một chiều. Khu vực nhà bếp có 02 cửa riêng biệt ra, vào, phân biệt khu vực sống, chín, thông thoáng, đủ ánh sáng, các cửa sổ có cửa lưới để chống chuột, ruồi, gián hoặc côn trùng khác. Tường, trần nhà nhẵn, bằng phẳng thuận tiện cho việc làm vệ sinh khử trùng. Bếp ăn được trang bị đầy đủ các thiết bị như: tủ hấp cơm, tủ sấy chén, xe inox đẩy thức ăn cho trẻ, tủ mát, tủ lạnh lưu thức ăn. Đồ dùng nhà bếp được inox hóa 100%, có hệ thống nước sạch, trang bị nơi rửa tay và xà phòng để nhân viên cấp dưỡng sử dụng, có đủ phương tiện thu gom vận chuyển rác thải, thực phẩm, thức ăn thừa chắc chắn, thuận tiện cho việc làm vệ sinh. Tuy nhiên nhà bếp chưa có hệ thống máy nước nóng trực tiếp để nấu ăn [H3-3.2-05].

b) Kho thực phẩm với diện tích 9,8m² được nhân viên sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ, có phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, thực hiện đúng các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, có bảng ghi tồn kho theo quy định [H3-3.2-05].

c) Khối phụ trợ:

Trường bố trí 01 phòng họp, sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc chuyên môn của giáo viên, có trang bị các thiết bị theo quy định [H3-3.2-01].

Nhà trường có 01 phòng Y tế, vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu. Phòng y tế được trang bị bàn ghế, giường nằm, tủ đựng hồ sơ, có đầy đủ dụng cụ sơ cấp cứu, thuốc uống thông thường, thuốc bôi ngoài da cho trẻ, có 01 máy vi tính, 01 máy in và các bảng biểu, tranh ảnh tuyên truyền, sổ theo dõi về

công tác tiêm ngừa các máy tính được nối mạng để làm việc và nghiên cứu [H3-3.2-06].

Nhà kho: trường có 02 nhà kho lớn (01 nhà kho tầng trệt và 01 nhà kho đặt trên lầu chứa đồ dùng, trang thiết bị, học phẩm thuận tiện cho giáo viên sử dụng giảng dạy, vui chơi) ngoài ra có 3 nhà kho phụ được đặt dưới chân cầu thang [H3-3.2-07].

Trường có 03 khu vực sân chơi chung (01 sân chơi chung trong sân trường, 01 sân bóng đá mini (bên trái cổng trường) để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động và có 01 sân chơi các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời (bên phải cổng trường) theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban. Tuy nhiên một số đồ chơi ngoài trời cũ, không phù hợp. [H3-3.2.04].

Mức 2:

a) Khối phòng hành chính quản trị:

Có phòng làm việc riêng của hiệu trưởng, có đủ các phương tiện làm việc như 01 máy vi tính, 01 máy in, tủ đựng hồ sơ, bàn ghế làm việc, bàn ghế tiếp khách [H3-3.2-01].

Phòng phó hiệu trưởng thuận tiện cho việc sinh hoạt trao đổi chuyên môn, phòng có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành có 02 máy vi tính, 01 máy laptop, 02 máy in, bàn ghế làm việc, tủ đựng hồ sơ, 01 máy in màu [H3-3.2-01].

Phòng hành chính được trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc như máy vi tính, 01 máy in, 01 máy photocopy, bàn ghế làm việc, tủ đựng hồ sơ [H3-3.2-01]. Tuy nhiên, máy photocopy bị hư, máy vi tính văn phòng lâu năm cũ, chạy chậm .

b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em có 14 phòng, trường có 01 phòng giáo dục thể chất và 01 phòng giáo dục nghệ thuật và 01 phòng thư viện [H3-3.2-04]. Tuy nhiên chưa đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định.

c) Nhà trường bố trí riêng khu vực sân vườn có vườn rau, vườn cây ăn trái, vườn thuốc nam bố trí riêng phía sau giúp cho trẻ thoải mái khám phá thử nghiệm như chăm sóc vườn rau tưới cây, nhổ cỏ, thu hoạch rau [H3-3.2-08].

Mức 3

Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ chưa đảm bảo qui định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.2-01]. Nhà trường chưa có phòng làm quen tin học, ngoại ngữ phục vụ các hoạt động vui chơi.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các khối phòng hành chính đảm bảo theo quy định.

Vị trí điểm trường thuận lợi cho Cha mẹ đưa đón trẻ, tường rào được bao quanh bởi hàng rào sắt và hàng rào cây xanh đảm bảo an toàn, chắc chắn.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị đồ chơi ngoài trời đã cũ, không phù hợp.

Nhà trường chưa có phòng làm quen tin học, ngoại ngữ phục vụ các hoạt động vui chơi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, nhà trường duy trì điểm mạnh, hiệu trưởng lên kế hoạch mua sắm trang bị thêm một số đồ chơi ngoài trời phù hợp với lứa tuổi, đảm bảo nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ. Xây dựng kế hoạch tham mưu với cấp lãnh đạo xây mới phòng làm quen tin học và phòng ngoại ngữ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và thu gom rác thải;

b) Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố;

c) Thiết bị dạy học, đồ dung, đồ chơi.

Mức 2:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mức 3:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường, được kiểm tra thường xuyên theo định kỳ, không để tình trạng ú, đọng nước và có mùi hôi; nhà trường sử dụng nguồn nước máy của Nhà máy nước Trung An, đảm bảo cho việc nấu ăn, sinh hoạt [H3-3.3-01].

Hàng năm, đều tiến hành việc xét nghiệm để đảm bảo nguồn nước sạch cho trẻ, có giấy chứng nhận của ngành y tế. Nhà trường hợp đồng nước uống của công ty cổ phần nước có đầy đủ tư cách pháp nhân theo quy định [H3-3.2-01].

Trường có hệ thống điện an toàn theo quy định, đảm bảo đủ nguồn cung cấp điện cho các hoạt động của trẻ. Hệ thống phòng cháy chữa cháy bảo đảm theo các quy định hiện hành, nhà trường có xây dựng kế hoạch và phương án kiểm tra các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy theo định kỳ [H1-1.10-03].

Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học, mỗi phòng ban đều có máy tính kết nối mạng, sử dụng các phần mềm như: Phần mềm Imas, ePmis, Mind Manger 8.0, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm tính khẩu phần Bảo công nghệ [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07] .

Trường thực hiện ký hợp đồng thu gom rác với Công ty Cao Thiện, số 103/4 Hương lộ 80B, khu phố 7, phường Hiệp Thành, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, thu gom rác hằng ngày theo các quy định hiện hành. Trường có thùng đựng và phân loại rác thải, khu vực hành lang và các lớp có thùng đựng rác thải, khu vực thu gom rác có mái che, trang bị nhiều thùng rác lớn, có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường sạch sẽ Không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường và khu vực bếp ăn gây ô nhiễm môi trường. Đối với rác y tế, nhà trường có thực hiện xử lý rác y tế tại đơn vị [H3-3.3-02].

b) Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố

Các hạng mục công trình kiên cố đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1, cụ thể: có 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng hành chính có đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định, 01 phòng bảo vệ, 02 nhà để xe cho cán bộ quản lý - giáo viên - nhân viên, 14 phòng học cho 14 nhóm lớp (dùng sinh hoạt chung, tổ chức giờ ăn, tổ chức giờ ngủ), 01 phòng họp, 01 phòng nhà bếp, phòng y tế, 01 phòng chức năng, 01 phòng truyền thống [H3-3.1-01].

c) Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em của các nhóm, lớp: nhóm trẻ 24-36 tháng, lớp mầm 3-4 tuổi, lớp chồi 4-5 tuổi và lớp lá 5-6 tuổi theo

quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT [H3-3.2-04];

Mức 2:

Trường có các hạng mục công trình kiên cố, được xây dựng chắc chắn, khép kín, đảm bảo cân đối giữa các phòng cho trẻ được hoạt động an toàn. Phòng học có diện tích đảm bảo diện tích theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các phòng hành chính quản trị đảm bảo đủ diện tích theo quy định như: văn phòng hành chính quản trị có diện tích 40 m², phòng hiệu trưởng có diện tích 40 m², phòng phó hiệu trưởng 30 m², phòng họp 63 m², phòng y tế có diện tích 20 m², phòng bảo vệ có diện tích 14 m², phòng nghỉ nhân viên có diện tích 15 m²

Mức 3:

Trường có đủ các hạng mục công trình kiên cố, được xây dựng chắc chắn, khép kín, đảm bảo cân đối giữa các phòng cho trẻ được hoạt động an toàn, các phòng khối phòng hành chính quản trị đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Tuy nhiên tỷ lệ các hạng mục công trình chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Các nhóm, lớp học đều có nhà vệ sinh riêng, đảm bảo khô ráo sạch sẽ.

3. Điểm yếu

Bồn vệ sinh của các nhóm trẻ chưa có tay vịn theo quy định.

Tỷ lệ các hạng mục công trình chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phát huy việc đảm bảo vệ sinh môi trường, xử lý rác, có hệ thống nước sạch sử dụng trong sinh hoạt và ăn uống tại đơn vị. Hiệu trưởng hợp đồng với công ty thu

gom rác y tế và xây dựng kế hoạch dự trù kinh phí trang bị theo quy định. Hiệu trưởng thực hiện công tác tham mưu và chỉ đạo kế toán dự trù kinh phí để cải tạo nhà vệ sinh của các nhóm trẻ có tay vịn theo đúng quy định Điều lệ trường mầm non.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường được thiết kế xây dựng kiên cố, thoáng mát; khuôn viên trường có tường rào bao quanh, có biển tên trường; hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh.

Phòng sinh hoạt chung đảm bảo an toàn, sạch sẽ, thoáng mát, với đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ theo quy định. Mỗi lớp đều có nhà vệ sinh riêng thuận tiện cho giáo viên và trẻ sử dụng.

Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng nhà bếp phục vụ trẻ ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, kho thực phẩm sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng.

Điểm yếu cơ bản:

Đồ chơi ngoài trời đã cũ, không phù hợp.

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ và tin học.

Một số đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu thải bỏ độ bền chưa cao.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ nhiệt tình năng nổ hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp cùng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với hoạt động của nhà trường trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Trường làm tốt công tác tham

muu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đồng thời góp phần xây dựng cơ sở vật chất nhà trường ngày một khang trang.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban đại diện cha mẹ trẻ Trường Mầm non Tân Hoà được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011). Thông qua cuộc họp các lớp đầu năm học đã bầu ra Ban đại diện cha mẹ trẻ của lớp (mỗi lớp 02 người). Thông qua Hội nghị Ban đại diện cha mẹ trẻ, trường đã bầu ra Ban thường trực gồm 05 người (01 trưởng ban, 01 thư ký và 03 thành viên) [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ trẻ có kế hoạch hoạt động từng năm học theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4-4.1-01].

c) Ban đại diện cha mẹ trẻ tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ thông qua họp đầu năm học, bản tin của trường, nhóm lớp và thông qua việc trao đổi trực tiếp với giáo viên chủ nhiệm của từng nhóm lớp [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục [H4-4.1-01]. Nhà trường có biện pháp, hình thức để tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ chăm sóc, giáo dục trẻ lúc ở nhà như: Thông qua họp cha mẹ trẻ đầu năm học; phát thanh tuyên truyền vào giờ đón trả trẻ; thông tin về tình hình diễn biến dịch bệnh đang xảy ra; bảng tin trường, lớp tuyên truyền các thông tin chăm sóc nuôi dưỡng và hoạt động giáo dục trẻ tại trường; mời bác sĩ báo cáo chuyên đề, tư vấn hướng dẫn cha mẹ trẻ về cách chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Giáo viên và cha mẹ trẻ thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình sức khỏe trẻ với nhiều hình thức [H4-4.1-03].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Hiện có 02 phụ huynh chưa tham gia vào nhiều hoạt động của nhà trường [H4-4.1-01].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ trẻ được thành lập vào đầu mỗi năm học và hoạt động theo quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, phối hợp tốt với nhà trường trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

03 thành viên trong Ban đại diện Cha mẹ trẻ ít tham gia các hoạt động chung của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì tổ chức các buổi chuyên đề để tuyên truyền đến phụ huynh những kiến thức về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Đẩy mạnh công tác phối hợp, tạo cầu nối vững chắc giữa nhà trường và gia đình, giữa giáo viên và phụ huynh, dùng nhiều

hình thức tuyên truyền đa dạng và phong phú hơn để tạo sự quan tâm nhiều hơn của phụ huynh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

- a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*
- b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*
- c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

- a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*
- b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.*

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hằng năm, trường tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp trong việc huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt tỷ lệ 100% theo Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi [H4-4.2-01], đề xuất Ủy ban nhân dân xã các biện pháp giữ gìn an ninh trật tự xung quanh trường; ký kết quy chế phối hợp với Công an xã Tân Hiệp về đảm bảo an ninh trường học [H1-1.10-01].

b) Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân và cha mẹ trẻ để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: Thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, trao đổi giữa cán bộ, giáo viên và cha mẹ trẻ, thông qua bản tuyên truyền của trường và nhóm lớp, giảm học phí, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ hộ nghèo, cận nghèo, Chương trình sữa học đường [H4-4.2-02].

c) Nhà trường huy động các nguồn hợp pháp từ cha mẹ trẻ để chăm lo cho trẻ [H4-4.1-03].

Mức 2:

a) Hằng năm, nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn hỗ trợ 100% học phí cho học sinh thuộc hộ nghèo, học sinh thuộc dân tộc Khơ-me theo quy định Nhà nước tạo điều kiện giúp các cháu tiếp tục đến trường [H4-4.2-02], hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non [H4-4.2-01]. Tham mưu với cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn trang bị bổ sung cơ sở vật chất để duy trì trường Chuẩn quốc gia Mức độ 1 [H4-4.2-03].

b) Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như: Ngày hội bé đến trường, tết Trung thu, Lễ Giáng sinh, tham quan doanh trại bộ đội, Lễ hội Tết và Mùa xuân, Giỗ tổ Hùng Vương. Tuy nhiên chưa tổ chức cho trẻ tham quan dã ngoại, các sự kiện tại địa phương [H4-4.2-04].

Mức 3:

Nhà trường có tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H4-4.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể để nâng cao chất

lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu

Chưa tổ chức cho trẻ tham quan dã ngoại, các sự kiện tại địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng phân công nhân viên Y tế tiếp tục duy trì việc tầm soát trẻ trước khi vào trường, tuyên truyền vận động để cha mẹ trẻ hợp tác với nhà trường trong việc phòng chống dịch bệnh. Hiệu trưởng có kế hoạch tổ chức cho trẻ tham quan khi dịch bệnh đã được kiểm soát.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Ban đại diện cha mẹ trẻ hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đồng hành cùng nhà trường trong các hoạt động của đơn vị. Nhà trường làm tốt công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường, có mối liên hệ mật thiết với phụ huynh học sinh và chính quyền địa phương để giữ gìn an ninh trật tự, tài sản, huy động được các nguồn lực giúp nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Một số cha mẹ trẻ bận công tác nên chưa có thời gian tham gia vào nhiều hoạt động của nhà trường.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Công tác chăm sóc, giáo dục luôn là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng trong trường mầm non. Chính vì vậy, Trường Mầm non Tân Hòa thực hiện Chương

trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi và theo chỉ đạo của ngành. Cán bộ quản lý có kế hoạch kiểm tra đánh giá quá trình phát triển của trẻ theo các lĩnh vực một cách thường xuyên, đảm bảo tính khách quan để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường có kế hoạch nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ giúp trẻ phát triển một cách toàn diện.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.*
- b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non, phù hợp với chỉ đạo của ngành và đặc điểm tình hình của từng nhóm, lớp [H1-1.8 -01]; [H1-1.8-02].

b) Trong quá trình thực hiện kế hoạch năm học, tùy tình hình nhận thức của trẻ trong nhóm lớp và đặc điểm cơ sở vật chất của nhà trường, 100% giáo viên các nhóm, lớp phát triển Chương trình giáo dục mầm non theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chương trình giáo dục mầm non. Các lớp thực hiện kế hoạch đầy đủ trên phần mềm Mindjet MindManager, kịp thời cập nhật theo năm, tháng, tuần và giáo án cụ thể chuẩn bị cho việc tổ chức các hoạt động cho trẻ [H1-1.8-01].

c) Kế hoạch giáo dục của nhà trường, nhóm, lớp được phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn định kỳ kiểm tra, nhận xét, đánh giá kế hoạch giáo dục của giáo viên để kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.8-02].

Mức 2:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch năm học, tổ chức chỉ đạo tổ chuyên môn cùng các nhóm, lớp xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình theo năm học phù hợp với chỉ đạo của ngành, trường và đặc điểm tình hình của từng nhóm, lớp. Kết quả 14/14 nhóm lớp xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch đề ra đảm bảo theo quy định như: Kế hoạch đảm bảo đầy đủ theo từng lĩnh vực của chương trình quy định, giáo viên bám sát nội dung chương trình để chọn nội dung phù hợp tình hình nhóm, lớp đưa vào thực hiện [H1-1.8-02].

b) Năm học 2024-2025, số trẻ được theo dõi, đánh giá chất lượng giáo dục là 457/457 trẻ, tỷ lệ 100% trẻ toàn trường, số trẻ đạt trên các lĩnh vực giáo dục với tỷ lệ như sau: Thể chất: 434/461 trẻ tỷ lệ 94.14%, nhận thức: 435/461 trẻ tỷ lệ 94.37%, ngôn ngữ: 435/461 trẻ tỷ lệ 94.36%, thẩm mỹ: 433/461 trẻ tỷ lệ 93.91%, tình cảm và kỹ năng xã hội: 430/461 trẻ tỷ lệ 93.28% [H5-5.1-01];

175/175 trẻ lớp Lá trong trường được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi, tỷ lệ 100% [H5-5.1-02].

Mức 3:

a) Phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương. Tuy nhiên, trong sinh hoạt chuyên môn một số giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi cùng đồng nghiệp, còn ngại nêu thắc mắc những vấn đề chưa rõ trong việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non [H1-1.8-01].

b) Hằng năm nhà trường tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục nhằm kịp thời điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Tuy nhiên, trường chưa có điều kiện tham khảo các kế hoạch giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới [H5-5.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch đề ra, có sự theo dõi định kỳ rà soát và đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non để giáo viên có sự điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện, văn hóa địa phương và đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ em góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu

Trong sinh hoạt chuyên môn còn một số giáo viên chưa tích cực thảo luận, chia sẻ, trao đổi chuyên môn cùng đồng nghiệp, còn ngại nêu thắc mắc những vấn đề chưa rõ trong việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Trường chưa có điều kiện tham khảo, ứng dụng các phương pháp giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục tiếp tục thực hiện tốt và phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, theo đúng kế

hoạch đề ra. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng các giáo viên mới nắm bắt kịp thời Chương trình giáo dục mầm non như: Tham gia các lớp bồi dưỡng do Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức, tham dự các chuyên đề, các hoạt động thao giảng để thực hiện phát triển kế hoạch giáo dục tốt tại các nhóm, lớp; tham khảo thêm tài liệu, thông tin chính thống về các kế hoạch giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục của các đơn vị trong khu vực và thế giới; tạo điều kiện để giáo viên học tập chuyên môn lẫn nhau tại đơn vị và học tập ở các bạn đồng nghiệp trên địa bàn huyện Hóc Môn và Thành phố.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp với đặc điểm tình hình của

nhóm lớp, điều kiện nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của cá nhân trẻ [H5-5.2-01].

b) Chú trọng xây dựng môi trường giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm nhằm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ; đánh giá đúng, tôn trọng và phát huy được khả năng, thể mạnh của mỗi trẻ; tạo điều kiện giúp mỗi đứa trẻ đều có cơ hội tốt nhất để phát triển [H5-5.2-01].

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế tại nhóm lớp như: hoạt động có chủ định của giáo viên, hoạt động lễ hội, hoạt động tham quan, hoạt động trong lớp, hoạt động ngoài trời, hoạt động cả lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân [H1-1.8-01].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế, các lớp bố trí góc khoa học với nguyên vật liệu phong phú để trẻ thí nghiệm theo nhu cầu, giáo viên tạo điều kiện cho trẻ quan sát, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh khi tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động ngoài trời. [H1-1.8-01]; [H5-5.2-02].

Mức 3:

Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài nhóm lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”, trong nhóm lớp học có đủ các góc chơi, đủ đồ dùng, đồ chơi, ngoài lớp học có bố trí đồ chơi ngoài trời [H5-5.2-02], khu chơi vận động, khu vực trồng rau, khu chơi cát, chơi nước, sân trường vẽ một số trò chơi vận động, dân gian [H3-3.1-03]. Tuy nhiên, trường chưa tổ chức cho trẻ tham quan vui chơi trải nghiệm tại khu du lịch sinh thái.

2. Điểm mạnh

Giáo viên linh hoạt tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm và nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ

tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp. Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

3. Điểm yếu

Trường chưa tổ chức cho trẻ tham quan vui chơi trải nghiệm tại khu du lịch sinh thái.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục triển khai, chỉ đạo giáo viên tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục; cùng trẻ thiết kế môi trường giáo dục trong và ngoài lớp phù hợp với lứa tuổi, khả năng, nhu cầu thực tế của trẻ để thu hút lượng trẻ tham gia hoạt động cao hơn. Ban Giám hiệu có kế hoạch phối hợp với cha mẹ trẻ để tổ chức cho trẻ tham quan, trải nghiệm hoặc mời chuyên gia đến, hướng dẫn trẻ thực hành một số hoạt động thực hành, khám phá tại trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ngay từ đầu năm học, nhà trường phối hợp Trung tâm y tế huyện Hóc Môn tổ chức khám sức khỏe phân loại tình trạng sức khỏe cho trẻ, phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ [H5-5.3-01].

b) Năm học 2024-2025: đạt 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng sổ sức khỏe theo quy định [H5-5.3-02].

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, dư cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng và báo cáo hàng tháng. Có chế độ dinh dưỡng riêng cho trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân, béo phì, kết hợp cho trẻ tăng cường vận động mỗi sáng theo lịch vận động. [H5-5.3-03].

Năm học	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân		Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi		Trẻ thừa cân, béo phì	
	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra
2020 -2021	23/469 (4.9%)	22/483 (4.55%)	02/469 (0.43%)	01/483 (0.21%)	101/469 (21.54%)	59/483 (12.22)
2021-2022	11/402 (2.74%)	03/410 (0.33%)	6/402 (1.5%)	02/410 (0.73%)	72/402 (17.91%)	31/410 (7.56%)
2022-2023	17/442 (3.84%)	02/470 (0.42%)	7/389 (1.77%)	03/470 (0.63%)	66/442 (14.9%)	20/470 (4.2%)

2023-2024	13/464 2.80%	02/476 0.42%	08/464 1.72%	02/476 0.42%	83/464 17.88%	24/475 5.04%
2024-2025	14/436 3.21%	02/457 0.44%	07/436 1.61%	04/457 0.85%	50/436 11.47%	13/457 2.84%

Mức 2:

a) Nhà trường có kế hoạch tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ như: tư vấn chế độ dinh dưỡng hợp lý dành cho trẻ đến phụ huynh; tuyên truyền kiến thức khoa học về tác hại, nguyên nhân dẫn đến tình trạng dư cân, béo phì [H5-5.3-04].

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2017 (điều chỉnh lại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT), xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, thực đơn được xây dựng đa dạng, phong phú, theo ngày, theo tuần, theo mùa, thực đơn không trùng lặp nhau, ngoài ra trẻ còn được uống sữa, ăn yaourt, bánh flan [H5-5.3-05].

c) Trường tổ chức cân trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì hằng tháng thông báo kết quả cân đo của trẻ đến phụ huynh, đồng thời có biện pháp hợp lý cải thiện tình trạng sức khỏe của trẻ trong việc chọn sữa phù hợp thể trạng và thời gian bổ sung sữa hợp lý trong ngày, cân đối khẩu phần dinh, thực đơn được xây dựng đa dạng, phong phú, vận động phù hợp với lứa tuổi. Do đó tình trạng dinh dưỡng của trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì được cải thiện so nhiều với đầu năm học. Tuy nhiên, tỷ lệ thừa cân, béo phì giảm chưa cao [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

Mức 3:

Tính đến thời điểm đánh giá có 443/470 trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường, đạt tỷ lệ 94.25%. Tuy nhiên tỷ lệ trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường chưa đạt 95% trở lên [H5-5.3-02].

2. Điểm mạnh

Trường phối hợp tốt với Trạm y tế xã Tân Hiệp trong công tác chăm sóc sức khỏe, tiêm ngừa, phòng chống dịch bệnh cho trẻ, phát triển bình thường theo độ tuổi đạt tỷ lệ đạt 94.25%. Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối, trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì giảm chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng phụ trách công tác bán trú tiếp tục thực hiện mô hình, tăng cường phối hợp với đoàn thể và phụ huynh trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì tại đơn vị. Tiếp tục tuyên truyền đến cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ các thông tin kiến thức trong việc đảm bảo chế độ ăn hợp lý cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì, cho trẻ được vận động và tiếp xúc nhiều hơn với nắng sáng, bổ sung sữa hợp lý cho trẻ ở nhà cũng như ở trường. Xây dựng kế hoạch cụ thể, đa dạng các hình thức như: xây dựng thực đơn phù hợp, tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về dinh dưỡng cho cha mẹ trẻ; chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch lồng ghép tăng cường vận động cho trẻ và quan tâm chế độ ăn của trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi.

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%.

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%.

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trẻ đi học chuyên cần đạt 94,65% trong đó trẻ 5 tuổi đạt 96,51% trẻ lứa tuổi khác đạt 92,78% [H1-1.5-01]; [H5-5.4-01].

b) Trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 5 tuổi, tỉ lệ trẻ 5 tuổi (175/175 trẻ) hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% [H5-5.4-02].

c) Năm học 2024-2025 trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.2-03].

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 96,51%; trẻ dưới 5 tuổi 94,65%. Tuy nhiên, một số trẻ còn nghỉ học do trẻ về quê. [H5-5.4-01].

b) Trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% (175/175 trẻ) và được đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi đạt 98.5% [H5-5.4-02]; [H5-5.1-02].

c) Trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.4-06].

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt trên mức quy định, năm học 2024-2025, trường có 175/175 trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non, đạt tỷ lệ 100%. Tuy nhiên, trẻ còn hay đi học trễ [H5-5.4-02].

b) Trong 5 năm liên tiếp đến thời điểm tự đánh giá trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ chuyên cần đạt trên mức quy định: trẻ 5 tuổi đạt 96,51%; trẻ dưới 5 tuổi đạt 92,78%. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt trên mức quy định. Trường có 175/175 trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100%.

3. Điểm yếu

Trẻ nghỉ học và một số trẻ đi học trễ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường tiếp tục duy trì tốt chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ theo quy định, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần trẻ ở các lứa tuổi đạt yêu cầu cao hơn. Cán bộ quản lý chỉ đạo cho giáo viên các khối lớp tăng cường công tác tuyên truyền phối hợp với cha mẹ trẻ trong công tác chăm sóc tốt sức khỏe cũng như động viên trẻ đi học chuyên cần tránh tình trạng đi học trễ, nghỉ học thường xuyên.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường có kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ mang tính khả thi, có sự phối hợp nhịp nhàng giữa công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục giúp trẻ phát triển toàn diện. Có sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ giúp trẻ đạt những kỹ năng phù hợp với độ tuổi, phù hợp với Chương trình giáo dục mầm non.

Điểm yếu cơ bản:

Trường chưa tổ chức cho trẻ tham quan vui chơi trải nghiệm tại khu du lịch sinh thái.

Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì giảm chưa cao.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Trường Mầm non Tân Hòa đã thực hiện báo cáo quá trình tự đánh giá theo 05 tiêu chuẩn mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành. Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường đã đối chiếu 25 tiêu chí, 75 chỉ báo theo quy định, với các thành quả về hoạt động chăm sóc giáo dục của nhà trường đã đạt được trong 05 năm học vừa qua với Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường Mầm non, trường đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 22/22 tỷ lệ 100%.
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1: 00/22 tỷ lệ 00%
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 21/21 tỷ lệ 100%.
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2: 00/21 tỷ lệ 00%
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 11/15 tỷ lệ 73.33%.
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3: 04/15 tỷ lệ 26.66%
- Mức đánh giá của Trường Mầm non Tân Hòa: Mức 2;
- Trường Mầm non Tân Hòa đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng chăm sóc giáo dục của Trường Mầm non Tân Hòa về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường

Mầm non. Nhà trường kính mong được sự chỉ đạo quan tâm, hướng dẫn, giúp đỡ của các cấp lãnh đạo các cấp quản lý, các cấp ủy Đảng, sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể chính quyền địa phương, sự hỗ trợ của các mạnh thường quân, Ban đại diện cha mẹ trẻ đóng góp ý kiến để trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu, không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, đáp ứng được niềm tin yêu của cha mẹ trẻ em, nhu cầu của xã hội và mục tiêu giáo dục mầm non./.

Hóc Môn, ngày 09 tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký, đóng dấu)

Phạm Thị Hòa

Phần IV. PHỤ LỤC

BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020- 2025.	Giai đoạn 2020- 2025	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Tân Hiệp.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Đảng ủy xã Tân Hiệp	Phòng hiệu trưởng
	3	[H1-1.1-03]	Phương tiện niêm yết công khai chiến lược phát triển nhà trường, kế hoạch chiến	Nhiệm kỳ 2020-2025	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

			lược: Biên bản họp Hội đồng sư phạm; biên bản họp Hội đồng trường; công thông tin điện tử.			
	4	[H1-1.1-04]	Kế hoạch năm học. Kế hoạch giám sát phương hướng, chiến lược.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Hồ sơ Hội đồng trường,	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.2-02]	Hồ sơ thi đua khen thưởng, kỷ luật.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng

				Năm học 2023-2024		
	3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ xét duyệt sáng kiến.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	4	[H1-1.2-04]	Hồ sơ tuyển sinh.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.2-05]	Hồ sơ giáo viên giỏi cấp trường và cấp dưỡng giỏi cấp trường.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ công đoàn Các Quyết định, Nghị quyết,	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Chủ tịch Công đoàn	

			Quy chế. Các Kế hoạch. Biên bản họp. Chăm lo chính sách cho đội ngũ. Chương trình hành động. Giấy khen.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		Công đoàn
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ đoàn thanh niên Các quyết định. Kế hoạch. Biên bản họp. Hình ảnh hoạt động phong trào. Giấy khen.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Bí thư Chi đoàn	Chi đoàn
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ Hội chữ thập đỏ.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	Văn phòng
	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ Hội khuyến học.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Chi Hội khuyến học	Văn phòng

				Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ chi bộ Quyết định, Nghị quyết, Chương trình hành động.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Bí thư chi bộ	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định đề cử tổ trưởng, tổ phó.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.4-03]	Kế hoạch hoạt động của tổ	Năm học 2019-2020	Phó hiệu trưởng	Phòng

			chuyên môn.	Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	phụ trách chuyên môn	chuyên môn
	4	[H1-1.4-04]	Sổ hợp tổ chuyên môn, tổ văn phòng.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Tổ trưởng chuyên môn	Phòng chuyên môn
	5	[H1-1.4-05]	Hồ sơ thực hiện chuyên đề cấp huyện, cấp trường.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phòng chuyên môn
	6	[H1-1.4-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng

				Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Sổ điểm danh, danh sách học sinh các nhóm lớp.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Kế toán	Kế toán
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ quản lý nhân sự cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.6-02]	Sổ đăng ký văn bản đi, đến.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Vău thư	Văn thư
	3	[H1-1.6-03]	Quản lý tài sản, cơ sở vật chất.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Kế toán	Kế toán

			Thu chi ngân sách. Thu chi sự nghiệp. Báo cáo tài chính. Quản lý tài sản.	Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
	4	[H1-1.6-04]	Hồ sơ quản lý tài chính Chứng từ, báo cáo quyết toán ngân sách. Bảng dự toán ngân sách.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Kế toán	Kế toán
	5	[H1-1.6-05]	Quy chế chi tiêu nội bộ.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Kế toán	Kế toán
	6	[H1-1.6-06]	Các phần mềm quản lý hành chính: Phần mềm quản lý cán bộ công chức; Phần mềm EPMIS; phần mềm quản lý	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Kế toán Văn thư	Kế toán Văn thư

			tài chính, tài sản; phần mềm tính khẩu phần dinh dưỡng; Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.	Năm học 2023-2024		
	7	[H1-1.6-07]	Các phần mềm quản lý tài chính, tài sản: Phần mềm quản lý tài sản. Phần mềm kế toán IMAS. Phần mềm dinh dưỡng, thu chi: Bảo công nghệ.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Kế toán	Kế toán
	8	[H1-1.6-08]	Hồ sơ công khai và biên bản kiểm tra tài chính, tài sản.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Kế toán	Kế toán
	9	[H1-1.6-09]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Hồ sơ Bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phòng chuyên môn
	2	[H1-1.7-02]	Danh sách cử nhân sự tham gia học tập bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng lý luận chính trị.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Văn thư	Văn thư
	3	[H1-1.7-03]	Quyết định phân công nhân sự. Danh sách phân công.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.7-04]	Hồ sơ nâng lương, phụ cấp,	Năm học 2019-2020	Kế toán	Kế toán

			thâm niên nhà giáo.	Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục của nhà trường.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phòng chuyên môn
	2	[H1-1.8-02]	Kế hoạch giáo dục của các nhóm, lớp.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Tổ trưởng chuyên môn	Nhóm lớp
	3	[H1-1.8-03]	Hồ sơ quản lý chuyên môn + Kế hoạch chuyên môn + Biên bản họp chuyên môn + Phiếu dự giờ	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phòng chuyên môn

				Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Hồ sơ Quy chế dân chủ.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ Hội nghị viên chức và người lao động.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Công đoàn	Công đoàn
	3	[H1-1.9-03]	Hồ sơ tiếp công dân.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.9-04]	Hồ sơ hoạt động của Ban thanh tra nhân dân.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Chủ tịch công đoàn	Công đoàn

				Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
	5	[H1-1.9-05]	Hồ sơ công khai	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Hồ sơ đăng ký an toàn an ninh trật tự. Quy chế phối hợp với công an xã.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Hồ sơ phòng chống tai nạn, thương tích.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng bán trú	Phòng chuyên môn

	3	[H1-1.10-03]	Phòng chống cháy nổ.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng bán trú	Phòng chuyên môn
	4	[H1-1.10-04]	Hồ sơ vệ sinh an toàn thực phẩm. Giấy chứng nhận bếp ăn nhà trường đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Hợp đồng cung cấp thực phẩm.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng bán trú	Phòng chuyên môn
	5	[H1-1.10-05]	Hồ sơ phòng chống dịch bệnh.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng bán trú	Phòng chuyên môn
	6	[H1-1.10-06]	Hồ sơ phòng chống tệ nạn xã	Năm học 2019-2020	Phó hiệu trưởng	Phòng

			hội, bạo lực học đường.	Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	bán trú	chuyên môn
	7	[H1-1.10-07]	Hình ảnh: Hộp thư góp ý, đường dây nóng. Bảng phân công bảo vệ trực.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	8	[H1-1.10-08]	Hồ sơ giao tiếp ứng xử văn hóa.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	9	[H1-1.10-09]	Hình ảnh tập huấn, tuyên truyền.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá Chuẩn hiệu trưởng, Chuẩn phó hiệu trưởng.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H2-2.1-02]	Hồ sơ đánh giá viên chức, người lao động	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Thống kê trình độ đội ngũ.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Văn thư	Văn thư
	2	[H2-2.2-02]	Hồ sơ đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Đề án vị trí việc làm.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hồ sơ xây dựng Trường Mầm non Tân Hòa.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh biển tên trường, khuôn viên, các khu vực xung quanh tường rào.	Năm học 2024-2025	Phó hiệu trưởng bán trú	Phòng chuyên môn
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh các khu vực vui chơi ngoài trời và đồ chơi	Năm học 2024-2025	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phòng chuyên môn

			ngoài trời.			
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh các phòng hành chính, văn phòng, phòng nhân viên, phòng bảo vệ.	Năm học 2024-2025	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phòng chuyên môn
	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh các khu nhà vệ sinh, khu vực để xe.	Năm học 2024-2025	Phó hiệu trưởng bán trú	Phòng chuyên môn
	3	[H3-3.2-03]	Hình ảnh các phòng học, Hiên chơi, lang cang.	Năm học 2024-2025	Phó hiệu trưởng bán trú	Phòng chuyên môn
	4	[H3-3.2-04]	Hình ảnh phòng thể chất, phòng nghệ thuật, phòng thư viện.	Năm học 2024-2025	Phó hiệu trưởng bán trú	Phòng chuyên môn
	5	[H3-3.2-05]	Album Hình ảnh nhà bếp Các bảng biểu nhà bếp, kho thực phẩm, tủ lạnh lưu nghiệm thức ăn, đồ dùng, trang thiết bị của bếp ăn.	Năm học 2024-2025	Phó hiệu trưởng bán trú	Phòng chuyên môn
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hợp đồng nước sạch, nước uống, phiếu xét nghiệm nước	Năm học 2024-2025	Phó hiệu trưởng bán trú	Phòng chuyên môn

	2	[H3-3.3-02]	Hộp đồng rác Hình ảnh khu vực gom rác	Năm học 2024-2025	Phó hiệu trưởng bán trú	Phòng chuyên môn
	3	[H3-3.3-03]	Hình ảnh trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	Năm học 2024-2025	Phó hiệu trưởng bán trú	Phòng chuyên môn
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ trẻ.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H4-4.1-02]	Hồ sơ tài trợ hoạt động giáo dục.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H4-4.1-03]	Hình ảnh Cha mẹ trẻ nghe báo cáo chuyên đề. Hình ảnh minh họa tuyên truyền đến cha mẹ trẻ em.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phòng Chuyên môn

				Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hồ sơ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Văn thư	Văn thư
	2	[H4-4.2-02]	Hồ sơ giảm học phí trẻ hộ nghèo, cận nghèo.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Kế toán	Kế toán
	3	[H4-4.2-03]	Hồ sơ đề xuất sửa chữa, trang bị cơ sở vật chất. Văn bản tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H4-4.2-04]	Kế hoạch tổ chức sự kiện, lễ hội và hình ảnh minh họa.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Hồ sơ kết quả đánh giá trẻ em.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phòng chuyên môn
	2	[H5-5.1-02]	Bộ công cụ đánh giá trẻ 5 tuổi. Bảng tổng hợp đánh giá trẻ của các lớp.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phòng chuyên môn
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Kế hoạch xây dựng nhà trường theo quan điểm “Lấy trẻ làm trung tâm”.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phòng chuyên môn

		[H5-5.2-02]	Hình ảnh các hoạt động và sản phẩm của trẻ.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng bán trú và phó hiệu trưởng chuyên môn	Phòng chuyên môn
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Hồ sơ y tế.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Y tế	Y tế
	2	[H5-5.3-02]	Sổ theo dõi sức khỏe của trẻ em.	Năm học 2020-2021	Y tế	Y tế
	3	[H5-5.3-03]	Hồ sơ phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng bán trú	Phòng chuyên môn
	4	[H5-5.3-04]	Truyền thông giáo dục sức	Năm học 2019-2020	Y tế	Y tế

			khỏe.	Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024		
	5	[H5-5.3-05]	Sổ thực đơn - khẩu phần dinh dưỡng.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng bán trú	Phòng chuyên môn
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Bảng tổng hợp chuyên cần của trẻ.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023 Năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng bán trú	Phòng chuyên môn
	2	[H5-5.4-02]	Danh sách trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non.	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Văn thư	Văn thư

				Năm học 2023-2024		
--	--	--	--	-------------------	--	--